

PHÂN BỐ CỦA TỤC NGỮ TIẾNG HÀN CÓ YẾU TỐ CHỈ CON CHÓ (THEO SỐ LƯỢNG ÂM TIẾT CẤU THÀNH)

Hoàng Thị Yến*

Email: htyen@cmc-u.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo:

Ngày phân biên đánh giá:

Ngày bài báo được duyệt đăng:

DOI:

Tóm tắt: Bài viết là một nghiên cứu trường hợp về đặc điểm ngôn ngữ của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp. Cụ thể là, chúng tôi thống kê, tổng hợp và phân tích nhằm làm rõ đặc điểm phân bố của nhóm các tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó theo số lượng âm tiết cấu thành. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các tục ngữ có yếu tố chỉ con chó có tỉ lệ lớn nhất (chiếm 28,2%) trong số 3498 đơn vị tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp. Độ dài phổ biến của tục ngữ có yếu tố chỉ con chó là từ 10 đến 19 âm tiết cấu thành (chiếm 70,8%). Đây là độ dài thích hợp với hình thái kết cấu của tục ngữ tiếng Hàn với chủ yếu các đơn vị là câu. Theo số lượng đơn vị tục ngữ từ thấp đến cao, phân bố của các tiểu nhóm âm tiết cũng cho thấy một dạng thái khá phức tạp. Trong tương lai, cần tiếp tục nghiên cứu về cấu trúc ngữ nghĩa để làm sáng tỏ hơn mối liên hệ và nguyên nhân dẫn đến dạng thức phân bố này của các đơn vị tục ngữ tiếng Hàn.

Từ khóa: phân bố, tục ngữ con chó, tiếng Hàn, số lượng âm tiết, âm tiết cấu thành.

I. Đặt vấn đề

Tùy theo góc nhìn của các nhà nghiên cứu, tục ngữ và thành ngữ được coi là một bộ phận nằm giữa ranh giới của văn học dân gian và ngôn ngữ. Các nhà Hàn ngữ thường xếp chúng vào nhóm các đơn vị quán dụng ngữ (관용어). Với hình thức khá ngắn gọn nhưng lại biểu đạt nội dung súc tích, tục ngữ thường mang tính khái quát, biểu trưng và có giá trị giáo huấn, phê phán, phản ánh xã hội. Có thể nói, đó là kho tàng kinh nghiệm chứa đựng trí tuệ của một dân tộc trong truyền thống và kho tàng này vẫn tiếp tục được làm làm phong phú qua thời gian. Nghiên cứu về tục ngữ và tục ngữ động vật nói chung trong tiếng Hàn đã nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu.

Ở phạm vi hẹp, các công trình tập trung vào tục ngữ có yếu tố chỉ con chó, ví dụ như: i. Tác giả Jung Yu Ji (2004) so sánh các tục ngữ có yếu tố chỉ chó và mèo trong tiếng Hàn và tiếng Nhật; ii. Tác giả Wang Yuk Bi (2017) quan tâm đến tục ngữ có yếu tố chỉ con chó trong tiếng Hàn và tiếng Trung; iii. Tác giả Wang Rin (2017) đề cập đến phép ẩn dụ của tục ngữ có yếu tố chỉ con chó trong tiếng Hàn và tiếng Trung v.v.. Gần đây, trong tiếng Việt có công trình của Hoàng Thị

* Trường Đại học CMC

Yến, Bae Yang Soo (2019), nghiên cứu hình ảnh con chó trong tục ngữ tiếng Hàn (liên hệ với tiếng Việt); trong tiếng Anh có công trình của Hoàng Thị Yến, Lâm Thị Hòa Bình, Bae Yang Soo (2020) phân tích các thành tố văn hóa của tục ngữ có yếu tố chỉ con chó trong tục ngữ Hàn, liên hệ với tiếng Việt và tiếng Anh...

Tuy nhiên, chúng ta có thể tiếp cận một vấn đề nghiên cứu từ nhiều góc độ và phương pháp khác nhau, với phạm vi và tính chất của ngữ liệu khảo sát khác nhau. Đặc điểm ngôn ngữ của tục ngữ vẫn luôn là mảnh đất cần chúng ta khai phá. Vì thế, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tiến hành phân tích đặc điểm phân bố của nhóm các tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó theo số lượng âm tiết cấu thành. Qua đó có thể hình dung được toàn cảnh bức tranh phân bố theo số lượng âm tiết cấu thành của tục ngữ tiếng Hàn.

Có thể coi đây là một trong những nghiên cứu trường hợp, đại diện cho nhóm tục ngữ có yếu tố chỉ con giáp hoặc tục ngữ có yếu tố chỉ động vật trong tiếng Hàn. Kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng vào việc phân cấp các đơn vị tục ngữ theo mức độ khó dễ, cấu trúc đơn giản hay phức tạp... khi xây dựng học liệu giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn.

II. Cơ sở lý thuyết

Tục ngữ và thành ngữ được coi là bộ phận nằm giữa ranh giới của văn học dân gian và ngôn ngữ. Các nhà Hàn ngữ thường xếp chúng vào nhóm các đơn vị quán dụng ngữ (관용어), đó là những câu cách ngôn hay châm ngôn đơn giản được người xưa lưu truyền trong dân gian (예로부터 민간에 전하여 오는 쉬운 격언이나 잠언) hay là những câu chuyện thông tục (속된 이야기)[†]. Với hình thức khá ngắn gọn nhưng lại biểu đạt nội dung súc tích, tục ngữ thường mang tính khái quát, biểu trưng và có giá trị giáo huấn, phê phán và phản ánh xã hội. Có thể nói, đó là kho tàng kinh nghiệm chứa đựng trí tuệ của một dân tộc trong truyền thống và vẫn tiếp tục được làm phong phú theo dòng thời gian. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ 속담 *tục đàm* trong tiếng Hàn tương đương với thuật ngữ *tục ngữ* trong tiếng Việt và *proverb* trong tiếng Anh.

Âm tiết là đơn vị phát âm nhỏ nhất trong ngôn ngữ, ví dụ: từ *lác đác* có hai âm tiết (Viện Ngôn ngữ học, 2006, tr.17). Tương tự như vậy, trong tiếng Hàn, thuật ngữ 음절 *âm tiết* cũng được cấu thành từ hai âm tiết. Như vậy, âm tiết là mỗi tiếng được phát âm trong một lần, nó được cấu thành bởi trên một âm tố, nguyên âm có thể độc lập tạo thành một âm tiết (한 번에 소리낼 수 있는 소리마디. 1 개 이상의 음소로 이루어져 있으며, 모음은 단독으로 하나의 음절을 이룰 수 있다)[‡]. Ví dụ: “tiết” trong âm tiết được cấu tạo bởi các âm tố t + iê + t; 절 trong 음절 được cấu tạo bởi các âm tố: ㅈ+어+ㄷ...

III. Phương pháp nghiên cứu

†

https://dict.naver.com/search.dict?dicQuery=%EC%86%8D%EB%8B%B4&query=%EC%86%8D%EB%8B%B4&target=dic&ie=utf8&query_utf=&isOnlyViewEE=, 24/05/2023

‡

https://dict.naver.com/search.dict?dicQuery=%EC%9D%8C%EC%A0%88&query=%EC%9D%8C%EC%A0%88&target=dic&ie=utf8&query_utf=&isOnlyViewEE=, 24/05/2023

Cuốn *Từ điển tục ngữ động vật* của tác giả Song Jae Seun (1997) được coi là công trình thu thập đầy đủ các đơn vị tục ngữ liên quan đến động vật. Trên cơ sở đó, chúng tôi thống kê được 3498 đơn vị đơn vị tục ngữ có yếu tố chỉ con giáp, phân bố cụ thể như bảng tổng hợp sau:

Bảng 1. Phân bố của tục ngữ tiếng Hàn theo các con giáp

STT	Tên động vật	Số lượng (%)	STT	Tên động vật	Số lượng
1	Chuột	189 (5,4%)	7	Ngựa	361 (10,3%)
2	Trâu	573 (16,4%)	8	Dê/ Cừu	44 (24/20) (1,3%)
3	Hổ	443 (12,7%)	9	Khỉ	25 (0,7%)
4	Mèo/ Thỏ	246 (196/50) (7,0%)	10	Gà	263 (7,5%)
5	Rồng	97 (2,8%)	11	Chó	986 (28,2%)
6	Rắn	51 (1,5%)	12	Lợn	220 (6,2%)
	Tổng 1	1.599 (45,7%)		Tổng 2	1.899 (54,3%)
	Tổng	tổng 1 + tổng 2 = 1.599 + 1.899 = 3.498 (100%)			

Có thể thấy, trong Song Jae-seun (1997), tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó có số lượng lớn nhất với 986 đơn vị (chiếm 28,2 %). Nếu so sánh với con trâu - bạn của nhà nông và con mèo - cũng là vật nuôi trong nhà, có thể thấy chúng có mức độ chênh lệch là khá lớn. Các đơn vị tục ngữ có yếu tố chỉ con trâu là 573 đơn vị (chỉ chiếm 16,4%), nhóm tục ngữ có yếu tố chỉ mèo và thỏ cũng chỉ ở mức độ khiêm tốn, với 246 đơn vị (196 + 50) (chiếm 7,0%). Điều này cho thấy, chó là vật nuôi gần gũi, gần bó, có ảnh hưởng lớn nhất trong số các con giáp đối với cuộc sống của con người. Có thể lí giải điều này là do con người luôn coi chó là bạn, chó luôn trung thành và có tình nghĩa, lại có thể bảo vệ tài sản và góp phần đảm bảo an toàn cho gia chủ.

Bài viết này nghiên cứu về đặc điểm phân bố của tục ngữ tiếng Hàn theo số lượng âm tiết cấu thành, giới hạn phạm vi khảo sát ở trường hợp các đơn vị có yếu tố chỉ con chó. Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy, ở mục ㄹ/ㄹ/ không xuất hiện đơn vị tục ngữ có yếu tố chỉ con chó nào, không xuất hiện các đơn vị tục ngữ dưới 4 âm tiết. Chúng tôi xem xét dạng thức phân bố của các đơn vị tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó theo các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

1) Phân bố theo bảng chữ cái tiếng Hàn *kanata* - các đơn vị tục ngữ bắt đầu bằng chữ cái Hangul.

2) Phân bố của tục ngữ con chó ở nhóm từ 4-9 âm tiết (N1);

3) Phân bố của tục ngữ con chó ở nhóm từ 10-19 âm tiết (N2);

4) Phân bố của tục ngữ con chó ở nhóm từ 20-32 âm tiết (N3);

5) Phân bố của các nhóm âm tiết theo số lượng đơn vị tục ngữ từ thấp đến cao.

Với nhiệm vụ nghiên cứu thứ nhất, chúng tôi dùng công cụ Sort để sắp xếp các đơn vị tục ngữ theo thứ tự kanata, trên cơ sở đó, lập bảng tổng hợp số lượng và xác định tần số xuất hiện của tục ngữ có yếu tố chỉ con chó theo các mục chữ cái.

Để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu từ thứ 2 đến thứ 4, chúng tôi dùng công cụ Sort sắp xếp các đơn vị tục ngữ theo số lượng từ thấp đến cao, tách thành các nhóm N1 (gồm các đơn vị cấu tạo bởi từ 4 đến 9 âm tiết), N2 (gồm các đơn vị cấu tạo bởi từ 10 đến 19 âm tiết), N3 (gồm các đơn vị cấu tạo bởi 20 đến 31 âm tiết). Tiếp đó, tính tỉ lệ % của các nhóm đơn vị.

Với nhiệm vụ nghiên cứu thứ 5, chúng tôi dùng công cụ Sort xếp thứ tự các nhóm số lượng âm tiết theo thứ tự từ thấp đến cao căn cứ vào số lượng các đơn vị tục ngữ xuất hiện theo nhóm, tính tỉ lệ % trên tổng số 986 đơn vị tục ngữ có yếu tố chỉ con chó. Tiếp đó, xếp thứ hạng theo trật tự nhóm có số lượng tục ngữ từ cao đến thấp.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Phân bố theo mục kanata

Theo 14 phụ âm là chữ cái theo thứ tự kanata trong tiếng Hàn, để tiện làm việc, chúng tôi qui định cách gọi tên các chữ cái bằng cách thêm “a” vào sau mỗi chữ cái, ví dụ: \neg /k,g/ + a = ka; \square /m/ + a = ma...; gọi tên các nhóm đơn vị tục ngữ có phụ âm đầu theo thứ tự kanata là mục \neg ka, mục \square ma ... Chúng tôi tách các đơn vị tục ngữ theo nhóm mục kanata và tiến hành thống kê, kết quả được tổng hợp như bảng sau:

Bảng 2. Phân bố của tục ngữ con chó theo mục kanata

Chữ cái	Số lượng	Tần số %	Chữ cái	Số lượng	Tần số %
\neg ka	409	41,5%	\circ nga	85	8,6%
\sqcup na	37	3,8%	\asymp cha	79	8,0%
\sqsubset ta	101	10,2%	\asymp tra	10	1,0%
\equiv ra	0	0%	\supset kha	2	0,2%
\square ma	78	7,9%	Ξ tha	4	0,4%
\sqsupset pa	42	4,3%	\asymp pha	11	1,1%
\wedge sa	90	9,1%	$\bar{\asymp}$ ha	38	3,9%

Như vậy, mục \neg ka có số lượng tục ngữ lớn nhất với 409 đơn vị (41,5%), tiếp đó là \sqsubset ta với 101 đơn vị (10,2%). Thuộc nhóm có số lượng dưới 100 đơn vị, ta có \wedge sa với 90 đơn vị (9,1%), \circ nga với 85 đơn vị (8,6%), \asymp cha và \square ma với 79 đơn vị (8,0%) và 78 đơn vị (7,9%). Các mục còn lại có số lượng thấp từ 42 đơn vị (4,3%) của \sqsupset pa đến \supset kha với 2 đơn vị (0,2%), \equiv ra với 0 đơn vị (0%).

Có thể thấy, mục \neg ka có số lượng lớn nhất vì từ chỉ con chó là 개 kae, từ chỉ chó con là 강아지 kangaji, đều bắt đầu bằng chữ cái \neg ka. Những chữ cái là âm bật hơi \supset kha, \asymp tra, \asymp pha đều xuất hiện với số lượng và tỉ lệ thấp; \equiv ra ít đứng đầu từ vì thường bị biến đổi thành

○ nga nên không có đơn vị nào. Đây cũng có thể là một trong những điều cần lưu ý đối với người học tiếng Hàn, đặc biệt khi thụ đắc vốn từ vựng.

4.2. Phân bố của tục ngữ con chó theo các nhóm âm tiết

Tục ngữ tiếng Hàn thường mang kết cấu câu nên có độ dài lớn hơn thành ngữ (với tư cách là cụm từ hay ngữ cố định). Kết quả khảo sát cho thấy, không có đơn vị tục ngữ nào có số âm tiết cấu thành dưới 4. Độ dài của các đơn vị tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó trải dài từ 4 âm tiết đến 32 âm tiết. Loại trừ đi các ô trống của nhóm 26 âm tiết và 28, 29, 30, 31 âm tiết, chúng tôi phân tổng số các đơn vị tục ngữ (N = 986 đơn vị) thành các tiểu nhóm như bảng sau đây:

Bảng 3. Các tiểu nhóm tục ngữ theo mức độ cao thấp của số lượng âm tiết

	N1	N2	N3
Số âm tiết	Từ 4 đến 9 âm tiết	Từ 10 đến 19 âm tiết	Từ 20 đến 32 âm tiết
Số đơn vị tục ngữ	250 đơn vị (25,3 %)	698 đơn vị (70,8%)	38 đơn vị (3,9%)

Như vậy, độ dài phổ biến của tục ngữ tiếng Hàn là trong khoảng từ 10 âm tiết đến 19 âm tiết, tiếp đó là các đơn vị ở nhóm có số lượng âm tiết cấu thành thấp hơn - từ 4 âm tiết đến 9 âm tiết. Nhóm từ 20 âm tiết đến 32 âm tiết chỉ chiếm 3,9%. Điều này là một minh chứng cho thấy mức độ hạn chế về độ dài của tục ngữ chính là nhằm đảm bảo tính ngắn gọn, súc tích.

4.2.1. Phân bố của tục ngữ con chó ở nhóm từ 4-9 âm tiết (N1)

Nhóm các đơn vị tục ngữ được cấu thành bởi từ 4 đến 9 âm tiết có 250/986 đơn vị (chiếm 25,3%). Đây là nhóm có các đơn vị tục ngữ được cấu thành bởi số lượng âm tiết thấp nhất, phân bố theo số lượng âm tiết như bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 4. Phân bố của tục ngữ con chó ở nhóm từ 4-9 âm tiết (N1)

Số AT	Số lượng (%)	%	Ví dụ
4 AT	11 (4,4%)	(1,1%)	개 꼬리다 <i>đuôi chó</i> , 개꿈이다 <i>giấc mơ chó</i>
5 AT	9 (3,6%)	(0,9%)	술 먹은 개다 <i>chó uống rượu</i> , 초상집 개다 <i>chó nhà có giỗ</i>
6 AT	29 (11,6%)	(2,9%)	개 꾸짖듯 한다 <i>như mắng chó</i> , 개소리만 한다 <i>chỉ nói lời chó</i>
7 AT	58 (23,2%)	(5,9%)	개가 개를 낳는다 <i>chó đẻ ra chó</i> , 개밥통에 진주다 <i>như ngọc trong bát cơm chó</i>
8 AT	61 (24,4%)	(6,2%)	개하고 사귀 켜이다 <i>coi như làm bạn với chó</i> , 사나운 개 짖듯 한다 <i>như chó dữ sủa</i>
9 AT	82 (32,8%)	(8,3%)	개 입에서 개 말 나온다 <i>lời chó từ mồm chó</i> , 짖는 개는 물지 않는다 <i>chó sủa không cắn</i>
tổng	250 (100%)	986 (100%)	250/986 (25,3%)

Quan sát bảng có thể thấy, trong 250 đơn vị thuộc N1 có nhóm 9 âm tiết có số lượng tục ngữ lớn nhất, gồm 82 đơn vị (chiếm 32,8%); tiếp đó là nhóm 8 âm tiết với 61 đơn vị (chiếm 24,4%); thấp nhất là nhóm tục ngữ 5 âm tiết, chỉ có 9 đơn vị (chiếm 3,6%). Xét trong quan hệ với tổng số 986 đơn vị tục ngữ có yếu tố chỉ con chó, tỉ lệ của các tiểu nhóm thuộc N1 đều ở mức dưới 10%, cao nhất là 8,3% (nhóm các đơn vị có 9 âm tiết cấu thành), thấp nhất là 0,9% (nhóm các đơn vị có 5 âm tiết cấu thành).

Với nhóm tục ngữ có số âm tiết cấu thành thấp, có thể lựa chọn các đơn vị tục ngữ gần gũi, có cấu trúc đơn giản để đưa vào nội dung giảng dạy tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp. Việc này sẽ giúp người học làm quen với phương thức tư duy của người bản ngữ, đặc biệt là hình ảnh biểu trưng hóa trong tục ngữ ở ngay thời kì đầu quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ 2.

4.2.2. Phân bố của tục ngữ con chó ở nhóm từ 10-19 âm tiết (N2)

Nhóm các đơn vị tục ngữ được cấu thành bởi từ 10 đến 19 âm tiết có số lượng lớn nhất, gồm 698/986 đơn vị (chiếm 70,8%). Đây là nhóm có số lượng âm tiết cấu thành ở mức trung bình, có dạng thức phân bố theo số lượng âm tiết như bảng tổng hợp sau:

Bảng 5. Phân bố của tục ngữ con chó ở nhóm từ 10-19 âm tiết (N2)

Số AT	Số lượng (%)	%	Ví dụ
10 AT	123 (17,6%)	(12,5%)	개 잠을 자면 부자가 된다 <i>nếu ngủ mơ thấy chó sẽ thành người giàu</i>
11 AT	99 (14,2%)	(10,0%)	해변 개 범 무서운 줄 모른다 <i>chó ven biển không biết sợ hổ</i>
12 AT	107 (15,3%)	(10,9%)	개가 문 앞 흙을 파면 불길하다 <i>nếu chó đào đất trước cửa sẽ không tốt</i>
13 AT	101 (14,5%)	(10,2%)	강아지가 살찌면 집 안이 길하다 <i>nếu chó con béo trong nhà may mắn</i>
14 AT	78 (11,2%)	(7,9%)	개도 막다른 골목에 들면 범을 문다 <i>nếu chó vào ngõ cụt cũng cắn hổ</i>
15 AT	70 (10,0%)	(7,1%)	어른 앞에서는 개도 나무라지 않는다 <i>trước mặt người lớn, đến chó cũng không mắng</i>
16 AT	36 (5,2%)	(3,7%)	검정개 미역 감긴다고 희어지지 않는다 <i>chó đen có quấn rong biển cũng không trắng được</i>
17 AT	43 (6,2%)	(4,4%)	개가 짚을 때마다 도둑이 오는 것은 아니다 <i>không phải mỗi khi chó sủa đều có trộm</i>
18 AT	21 (3,0%)	(2,1%)	사흘 굶은 개는 몽둥이도 두려워하지 않는다 <i>chó nhịn đói 4 ngày cũng không sợ roi</i>
19 AT	20 (2,9%)	(2,0%)	남의 집 개가 집안에 들어와 짖으면 액운이 온다 <i>chó nhà người khác vào nhà mình sủa thì tai vạ đến</i>
Tổng	698 (100%)	986 (100%)	698/986 = 70,8%

Quan sát bảng có thể thấy, theo mức độ tăng dần của số lượng âm tiết cấu thành (từ 10 âm tiết đến 19 âm tiết), số lượng các đơn vị tục ngữ trong nhóm N2 giảm dần, trừ trường hợp của nhóm

16 âm tiết (chỉ có 36 đơn vị - chiếm 5,2%), ít hơn nhóm 17 âm tiết (có 43 đơn vị - chiếm 6,2%). Tỷ lệ của các tiểu nhóm tục ngữ thuộc N2 trong mối tương quan với tổng số tục ngữ có yếu tố chỉ con chó xê dịch trong khoảng là 2,0% (nhóm đơn vị tục ngữ có 19 âm tiết) đến 12,5% (nhóm đơn vị tục ngữ có 10 âm tiết).

Đây là nhóm tục ngữ có số lượng lớn nhất, đặc biệt ở các nhóm từ 10 âm tiết đến 13 âm tiết (khoảng trên dưới 100 đơn vị). Các đơn vị tục ngữ có độ dài vừa phải có thể được chọn lọc để đưa vào xây dựng học liệu và nội dung giảng dạy ở trình độ trung cấp. Tiêu chí lựa chọn có thể là tùy theo mức độ khó dễ của từ vựng hay cấu trúc hình thái. Ngoài ra, sự phù hợp với chủ đề bài học cũng cần được cân nhắc.

4.2.3. Phân bố của tục ngữ con chó ở nhóm từ 20-32 âm tiết (N3)

Nhóm các đơn vị tục ngữ được cấu thành bởi số lượng âm tiết cấu thành cao từ 20 âm tiết đến 32 âm tiết chỉ có 38/986 đơn vị (chiếm 3,9%). Nhóm các đơn vị thuộc N3 tồn tại nhiều khoảng trống, đó là nhóm 26 âm tiết, nhóm 28 âm tiết, nhóm 29 âm tiết, nhóm 30 âm tiết và nhóm 31 âm tiết. Các nhóm tục ngữ còn lại - các đơn vị cấu thành từ 20 đến 25 âm tiết, nhóm 27 âm tiết và 32 âm tiết phân bố như bảng tổng hợp sau:

Bảng 6. Phân bố của tục ngữ con chó ở nhóm từ 20-32 âm tiết (N3)

Số AT	Số lượng (%)	%	Ví dụ
20 AT	6 (15,8%)	(0,6%)	개 눈에는 뽕만 보이고 후보자 눈에는 표만 보인다 <i>trong mắt chó chỉ thấy cứt, trong mắt ứng cử viên chỉ thấy lá phiếu</i>
21 AT	10 (26,3%)	(1,0%)	개는 입이 따뜻해야 하고, 사람은 발이 따뜻해야 한다 <i>mồm chó phải ấm, chân người phải ấm</i>
22 AT	7 (18,4%)	(0,7%)	개는 구린내를 따라 다니고, 사람은 권세를 따라다닌다 <i>chó đi theo mùi tanh hôi, người đi theo quyền thế</i>
23 AT	8 (21,1%)	(0,8%)	개는 오년 이상 먹이지 않고, 닭은 삼년 이상 먹이지 않는다 <i>không ăn chó hơn 5 năm, không ăn gà hơn 3 năm</i>
24 AT	3 (7,9%)	(0,3%)	정월 보름날 개고기를 먹으면 그해 유행병에 걸리지 않는다 <i>nếu ăn thịt chó vào ngày rằm tháng giêng thì năm đó không bị mắc dịch bệnh</i>
25 AT	1 (2,6%)	(0,1%)	성한 개 눈에는 도둑만 보이고, 미친개 눈에는 몽둥이만 보인다 <i>mắt chó giận chỉ thấy trộm, mắt chó điên chỉ thấy roi</i>
27 AT	2 (5,3%)	(0,2%)	개 못된 것은 들에 가서 짓고, 여자 못난 것은 달밤에 샷샷 쓰고 거닌다 <i>cái dờ của chó là đi ra đồng sủa, cái dờ của các cô gái là đội mũ satgat (mũ tre) tản bộ đêm trăng</i>
32 AT	1 (2,6%)	(0,1%)	개는 밥 주는 사람을 따르고, 선비는 자기를 알아주는 사람을 위해 목숨을 바친다 <i>chó theo người cho cơm, kẻ sĩ chết vì người hiểu mình</i>
Tổng	38 (100%)	986 (100%)	38/986 = 3,8%

Thuộc nhóm N3, nhóm có số lượng các đơn vị tục ngữ cao nhất là 21 âm tiết với 10/38 đơn vị (chiếm 26,3%), tiếp đó là nhóm 23 âm tiết với 8/38 đơn vị (chiếm 21,1%), nhóm 22 âm tiết và 20

âm tiết lần lượt xuất hiện 7 và 6 đơn vị (chiếm 18,4% và 15,8%). Nếu loại trừ các ô trống, thì thấp nhất trong nhóm này là tiểu nhóm 25 âm tiết và 32 âm tiết với mỗi tiểu nhóm chỉ có 1/38 đơn vị (chiếm 2,6%). Xét trong tương quan với tổng số tục ngữ con chó, nhóm N3 chỉ chiếm 3,9%, các nhóm âm tiết đều có tỉ lệ thấp, chiếm từ 0,1% đến 1,0%.

Nhóm tục ngữ cấu thành bởi số lượng âm tiết lớn thường có cấu trúc phức tạp. Vì vậy, có thể cân nhắc để đưa vào giảng dạy ở giai đoạn trung và cao cấp. Tất nhiên, độ dài của các đơn vị tục ngữ không phải lúc nào cũng tỉ lệ thuận với mức độ khó dễ về mặt từ vựng, cú pháp hay ngữ nghĩa, đặc biệt là nghĩa biểu trưng của đơn vị tục ngữ. Vì thế, cần linh hoạt và bám vào thực tiễn dạy – học để có thể xác lập được danh mục tục ngữ phù hợp để đưa vào giảng dạy.

4.3. Phân bố của các nhóm âm tiết theo số lượng tục ngữ từ thấp đến cao

Nhằm xác định thứ tự của các nhóm số lượng âm tiết theo số lượng các đơn vị tục ngữ và thứ hạng từ cao đến thấp của chúng, chúng tôi thiết lập bảng tổng hợp sau:

Bảng 7. Phân bố của các nhóm âm tiết theo số lượng tục ngữ từ thấp đến cao

Nhóm	Số AT	Số lượng	Tỉ lệ %	Thứ hạng
Nhóm 4	25 AT	1 đơn vị	0,1 %	23
	32 AT	1 đơn vị	0,1 %	23
	27 AT	2 đơn vị	0,2 %	22
	24 AT	3 đơn vị	0,3 %	21
	20 AT	6 đơn vị	0,6 %	20
	22 AT	7 đơn vị	0,7 %	19
	23 AT	8 đơn vị	0,8 %	18
	5 AT	9 đơn vị	0,9 %	17
Nhóm 3	21 AT	10 đơn vị	1,0 %	16
	4 AT	11 đơn vị	1,1 %	15
	19 AT	20 đơn vị	2,0 %	14
	18 AT	21 đơn vị	2,1 %	13
	6 AT	29 đơn vị	2,9 %	12
	16 AT	36 đơn vị	3,7 %	11
	17 AT	43 đơn vị	4,4 %	10
Nhóm 2	7 AT	58 đơn vị	5,9 %	9
	8 AT	61 đơn vị	6,2 %	8
	15 AT	70 đơn vị	7,1 %	7
	14 AT	78 đơn vị	7,9 %	6
	9 AT	82 đơn vị	8,3 %	5
Nhóm 1	11 AT	99 đơn vị	10,0 %	4
	13 AT	101 đơn vị	10,2 %	3
	12 AT	107 đơn vị	10,9 %	2
	10 AT	123 đơn vị	12,5 %	1
		986	100%	

Quan sát bảng, có thể rút ra một vài đặc điểm về dạng thức phân bố của nhóm các đơn vị tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó như sau:

1) Nhóm 1 gồm các tiểu nhóm âm tiết có khoảng 100/986 đơn vị tục ngữ, chiếm khoảng 10%, giữ các vị trí đầu tiên từ 1 đến 4 thuộc về các nhóm được cấu tạo bởi nhóm cố số lượng âm tiết trung bình N2: từ 10 âm tiết đến 13 âm tiết. Trong đó, các nhóm xếp theo thứ hạng lần lượt từ cao đến thấp là 10 âm tiết - 12 âm tiết - 13 âm tiết - 11 âm tiết.

2) Nhóm 2 có các tiểu nhóm âm tiết có khoảng từ trên 50 đơn vị đến 90 đơn vị, có tỉ lệ từ trên 5% đến dưới 10%, giữ các vị trí từ 5 đến 9 theo thứ tự xếp hạng. Các tiểu nhóm âm tiết thuộc cả hai nhóm N1 và N2. Từ cao đến thấp, thứ tự lần lượt là 9 âm tiết - 14 âm tiết - 15 âm tiết - 8 âm tiết - 7 âm tiết.

3) Nhóm 3 gồm các tiểu nhóm âm tiết có khoảng từ 10 đơn vị đến dưới 50 đơn vị tục ngữ, tỉ lệ chiếm từ 1% đến dưới 5% trên tổng số 986 đơn vị tục ngữ chó, giữ thứ hạng từ 10 đến 16. Thuộc nhóm 3 là các tiểu nhóm âm tiết ở cả nhóm N1, N2 và N3, xếp theo thứ tự sau: 17 âm tiết - 16 âm tiết - 6 âm tiết - 18 âm tiết - 19 âm tiết - 4 âm tiết - 21 âm tiết.

4) Nhóm 4 gồm các tiểu nhóm có dưới 10 đơn vị tục ngữ, chiếm tỉ lệ thấp dưới 1% trên tổng số 986 đơn vị tục ngữ chó, thứ hạng từ 17 đến 23. Đó là các tiểu nhóm thuộc cả ba nhóm N1, N2, N3, thứ tự sắp xếp như sau: 5 âm tiết - 23 âm tiết - 22 âm tiết - 20 âm tiết - 24 âm tiết - 27 âm tiết - 25 và 32 âm tiết.

Tổng hợp lại những nội dung đã phân tích trên, ta có bảng tổng hợp thể hiện dạng thức phân bố sau:

Bảng 8. Phân bố của tục ngữ con chó theo nhóm số lượng âm tiết

Tt	Tiểu nhóm AT	Đặc điểm		
		Số đơn vị	Tỉ lệ (%)	Thứ hạng
Nhóm 1 (N2)	10 AT - 12 AT - 13 AT - 11 AT	khoảng 100 đơn vị	khoảng 10%	1 - 4
Nhóm 2 (N1 + N2)	9 AT - 14 AT - 15 AT - 8 AT - 7 AT	50 - 90 đơn vị	5% - dưới 10%	5 - 9
Nhóm 3 (N1 + N2 + N3)	17 AT - 16 AT - 6 AT - 18 AT - 19 AT - 4 AT - 21 AT	10 - dưới 50 đơn vị	1% - dưới 5%	10 - 16
Nhóm 4	5 AT - 23 AT	<10	<1%	17 - 23

(N1 + N2 + N3)	- 22 AT - 20 AT - 24 AT - 27 AT - 25/32 AT			
----------------------	---	--	--	--

Ngoài nhóm 1 chỉ có các tiểu nhóm thuộc N2, các nhóm khác đều là phức hợp. Nhóm 3 có thêm tiểu nhóm 21 âm tiết của nhóm N3, nhóm 4 có thêm tiểu nhóm 5 âm tiết của N1. Điều này cho thấy, tiểu nhóm 5 âm tiết (số lẻ) so với tiểu nhóm 4 âm tiết và 6 âm tiết (đều là số chẵn) có tỉ lệ thấp hơn. Ngược lại, tiểu nhóm 21 âm tiết (số lẻ) lại có tỉ lệ cao hơn tiểu nhóm 20 âm tiết và 22 âm tiết (số chẵn).

Ở đây, vấn đề đặt ra là, liệu rằng ở đây, có tồn tại mối liên hệ nào giữa số lẻ hay chẵn của các âm tiết trong tục ngữ, nếu có thì cấu trúc ngữ nghĩa của chúng có mối liên quan nào không? Mức độ cao thấp của các đơn vị tục ngữ có ảnh hưởng ít nhiều đến tỉ lệ này không?

IV. Kết luận

Có thể thấy, tên của động vật xuất hiện ở đầu câu tục ngữ có ảnh hưởng đến phân bố của các đơn vị tục ngữ có yếu tố chỉ loài động vật đó. Theo số lượng âm tiết cấu thành, có thể thấy đặc điểm phân bố của nhóm tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó như sau: Nhóm N2 (10-19 âm tiết) chiếm tỉ lệ cao nhất 70,8%, tiếp đó là nhóm N1 (4-9 âm tiết) với 25,3%, thấp nhất là nhóm N3 (20-32 âm tiết) với 3,9%). Như vậy độ dài phổ biến của tục ngữ nói chung và tục ngữ có yếu tố chỉ con chó nói riêng là từ 10 đến 19 âm tiết cấu thành.

Tuy nhiên, theo số lượng từ thấp đến cao, phân bố của các nhóm âm tiết lại cho thấy một dạng thái phân bố khác khá phức tạp. Nhóm có số lượng khoảng trên dưới 100/986 đơn vị tục ngữ (chiếm khoảng 10%) thuộc về nhóm 10 đến 13 âm tiết (N2). Tiếp theo là nhóm phức hợp gồm N1 (có số lượng âm tiết thấp từ 4-9 âm tiết) và N2 (có số lượng âm tiết trung bình từ 10-19 âm tiết). Nhóm phức hợp gồm N1, N2 và cả N3 (tiểu nhóm 21 âm tiết) giữ vị trí thứ 3. Cuối cùng là nhóm phức hợp gồm chủ yếu là N3 (có số lượng âm tiết cao từ 20-32 âm tiết) và N1 (tiểu nhóm 5 âm tiết).

Kết quả nghiên cứu của bài viết có thể ứng dụng vào việc lựa chọn và phân bố các đơn vị tục ngữ có độ khó phù hợp để đưa vào giảng dạy tiếng Hàn từ sơ cấp đến cao cấp. Bên cạnh đó, theo chúng tôi, cũng cần có thêm các nghiên cứu về cấu trúc ngữ nghĩa của tục ngữ để làm sáng tỏ hơn mối liên hệ với dạng thức phân bố này của các đơn vị tục ngữ tiếng Hàn.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Jung Yu Ji. *Nghiên cứu so sánh tục ngữ động vật Hàn - Nhật: trọng tâm là chó và mèo*. Luận văn Thạc sĩ. ĐH Hanyang. Hàn Quốc.(2004) 정유지. 한. 일 동물 관련 속담의 비교 연구- 개와 고양이를 중심으로-, 한양대학교. (2004)
- [2]. Song Jae Seun. *Từ điển tục ngữ động vật*. Nhà xuất bản Dongmunseon. Hàn Quốc (1997) 송재선. 동물 속담 사전. 東文選 (1997)
- [3]. Viện Ngôn ngữ học. *Từ điển tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học (2006).

- [4]. Wang Rin. *Nghiên cứu ẩn dụ của tục ngữ liên quan đến chó trong tiếng Hàn và tiếng Trung* (2017). Luận văn Thạc sĩ. Đại học Dongkuk. Hàn Quốc. 왕린. 한·중 ‘개’ 관련 속담의 은유 연구 韩中‘狗’相关 俗语的 隐喻 研究, 동국대학교 (2017)
- [5]. Wang Yuk Bi. *Nghiên cứu so sánh tục ngữ động vật trong tiếng Hàn và tiếng Trung, trọng tâm là tục ngữ liên quan đến chó*. Luận văn Thạc sĩ. Đại học Hanyang. Hàn Quốc (2017). 왕육비. 한·중 동물 속담의 비교 연구: ‘개’에 관한 속담 중심으로, 한양대학교 (2017).
- [6]. Hoàng Thị Yến, Bae Yang Soo. Hình ảnh con chó trong tục ngữ tiếng Hàn (liên hệ với tiếng Việt). *Đông Nam Á nghiên cứu Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, 29권, 3호 (2019). 131-164.
- [7]. Hoàng Thị Yến, Lâm Thị Hòa Bình, Bae Yang Soo. "Cultural components in Korean sokdam (속담 俗談) using the lexical element of “dog” in comparison with Vietnamese and English equivalents". *The Vietnamese Studies Review (VSR)*. 1 (18). 6 (2020). 55-108
- [8]. <https://dict.naver.com>

DISTRIBUTION OF KOREAN PROVERBS WITH THE ELEMENT OF DOG (ACCORDING TO THE NUMBER OF CONSTITUTIVE SYLLABLES)

Hoang Thi Yen[§]

Abstract: *The article is a case study on the linguistic characteristics of Korean proverbs with elements indicating zodiac animals. Specifically, we statistically, synthesize and analyze to clarify the distribution characteristics of the group of Korean proverbs with elements referring to dogs according to the number of constituting syllables. Research results show that proverbs with elements referring to dogs have the largest proportion (accounting for 28.2%) among 3,498 units of Korean proverbs with elements referring to zodiac animals. The common length of proverbs with elements referring to dogs is from 10 to 19 constituent syllables (accounting for 70.8%). This is an appropriate length for the structural form of Korean proverbs with mainly sentence units. According to the number of proverbial units from low to high, the distribution of syllable subgroups also shows a rather complex morphology. In the future, it is necessary to continue research on semantic structure to clarify the relationship and causes leading to this distribution pattern of Korean proverb units.*

Keywords: *distribution, dog proverbs, Korean, number of syllables, constitutive syllables.*

[§] CMC University